

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**  
*(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)*



**1. Thông tin chung**

- Họ và tên: **Mai Văn Nam**
- Năm sinh: 10/01/1064
- Giới tính: Nam
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): nhận bằng Tiến sĩ năm 2003, tại Philippines
- Chức danh Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm): Năm 2010, Trường Đại học Cần Thơ

- Ngành, chuyên ngành khoa học: Kinh tế
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm): Trưởng khoa Sau Đại học, Trường Đại học Cần Thơ
- Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo):  
Các năm: 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2019, 2020, 2021: Hội đồng Giáo sư cơ sở Trường Đại học Cần Thơ.
- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):  
.....
- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):  
.....

**2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)**

**2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình**

- a) Tổng số sách đã chủ biên: sách chuyên khảo: 02; giáo trình: 03
- b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn*).

## 2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

a) Tổng số đã công bố: 61 bài báo tạp chí trong nước; 11 bài báo tạp chí quốc tế (07 bài Q2); bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị quốc tế và quốc gia.

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

### **Bài báo khoa học công bố trong 05 năm: Xuất bản tiếng Việt:**

1. Nguyễn Quốc Nghi, **Mai Văn Nam**. 2016. A PINEAPPLE'S VALUE ADDED SOLUTIONS FOR PINEAPPLE PRODUCT CONTRIBUTING TO INCREASE INCOME FOR POOR HOUSEHOLDS IN TIEN GIANG PROVINCE. Phân tích chuỗi giá trị các sản phẩm nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long. 2016. 123-140. (Đã xuất bản)
44. La Nguyễn Thùy Dung, **Mai Văn Nam**. 2016. PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ SẢN XUẤT CỦA NÔNG HỘ NGHÈO VÀ KHÔNG NGHÈO TRỒNG LÚA TẠI TỈNH AN GIANG. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Số 46. 30-39. (Đã xuất bản)
2. **Mai Văn Nam**, Nguyễn Quốc Nghi. 2016. PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH SẢN XUẤT MUỐI CỦA DIỀM DÂN Ở VÙNG VEN BIÊN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Số 44. 112-117. (Đã xuất bản)
3. **Mai Văn Nam**, Nguyễn Quốc Nghi, Trương Quỳnh Như. 2016. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÂN PHỐI SẢN PHẨM MUỐI Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Số 42. 84-90. (Đã xuất bản)
4. Nguyễn Thị Hoài Tiên, **Mai Văn Nam**. 2017. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH MUỐI TỈNH BẾN TRE ĐẾN NĂM 2020. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Số 48. 77-86. (Đã xuất bản)
5. Nguyễn Văn Hòa, Đinh Phi Hồ, **Mai Văn Nam**. 2020. NÂNG CAO THU NHẬP HỘ DÂN SỐNG XUNG QUANH RỪNG BÀN THEO CÁCH TIẾP CẬN SINH KẾ BỀN VỮNG (TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG). Công thương. 5/2020. 66. (Đã xuất bản)
6. Nguyễn Văn Hòa, **Mai Văn Nam**. 2020. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DU LỊCH RỪNG BÀN CÙ LAO DUNG, SÓC TRĂNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP CHI PHÍ DU HÀNH. Kinh tế & Phát triển. 278 tháng 8/2020. 71. (Đã xuất bản)
7. Nguyễn Văn Hòa, **Mai Văn Nam**. 2021. CÁC GIÁ TRỊ KINH TẾ CỦA RỪNG BÀN TẠI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG. Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 402+403. 228-234. (Đã xuất bản)

### **Bài báo khoa học công bố trong 05 năm: Xuất bản tiếng Anh:**

1. **Mai Văn Nam**, Vương Quốc Duy. 2016. DETERMINANTS REPAYMENT PERFORMANCE OF BORROWERS IN RURAL MEKONG DELTA OF VIETNAM. International Journal of Innovative Science, Engineering & Technology. 3(1). 305-322. (Đã xuất bản)
2. Vương Quốc Duy, **Mai Văn Nam**. 2017. THE IMPACT OF DIVIDEND POLICY ON THE VALUATION OF COMPANY SHARES. International

- Journal of Innovative Science Engineering and Technology. 4. 33-48. (Đã xuất bản)
3. Vương Quốc Duy, **Mai Văn Nam**. 2017. USING ARIMA MODEL TO PREDICT THE CHANGE OF STOCK PRICE OF VINAMILK JOINT - STOCK COMPANY FROM 2016 TO 2018. International Journal of Latest Research in Engineering and Technology. 3. 49-58. (Đã xuất bản)
  4. **Mai Văn Nam**, Vương Quốc Duy. 2017. DETERMINANTS OF DIVIDEND DIVIDED POLICY OF LISTED COMPANIES IN VIETNAM STOCK EXCHANGE MARKET. Australian Journal of Basic and Applied Sciences. 11. 24-32. (Đã xuất bản)
  5. Nguyễn Quốc Nghi, **Mai Văn Nam**. 2021. THE ROLE OF RELATIONSHIP QUALITY AND LOYALTY BETWEEN RICE FARMERS AND FOOD COMPANIES IN SUPPLY CHAIN. Uncertain Supply Chain Management. 9. 851-856. (Đã xuất bản)
  6. Nguyễn Quốc Nghi, **Mai Văn Nam**. 2021. IMPACTS OF PUSHING AND PULL FACTORS ON TOURIST SATISFACTION AND RETURN INTENTION TOWARDS RIVER TOURISM IN CAN THO CITY, VIETNAM. Geojournal of Tourism and Geosites. 38. 1011-1016. (Đã xuất bản)-Q2
  7. Nguyễn Quốc Nghi, **Mai Văn Nam**, Hoàng Thị Hồng Lộc, Huỳnh Văn Bá. 2021. THE EFFECT OF EMPLOYEES' JOB SATISFACTION ON CUSTOMER SATISFACTION AND LOYALTY: AN EMPIRICAL STUDY IN VIETNAM. Journal of Asian Finance, Economics and Business. 8. 253-260. (Đã xuất bản) – Q2
  8. Nguyễn Quốc Nghi, **Mai Văn Nam**, Huỳnh Văn Tùng. 2021. THE RELATIONSHIPS AMONG SERVICE FAILURE, SERVICE RECOVERY, CUSTOMER SATISFACTION AND TRUST AT INTERNATIONAL HOSPITALS: A CASE IN VIETNAM. Uncertain Supply Chain Management. 9. 887–896. (Đã xuất bản) – Q2
  9. Nguyễn Quốc Nghi, **Mai Văn Nam**, Ngô Anh Tín. 2021. FACTORS IMPACTING ONLINE COMPLAINT INTENTION AND SERVICE RECOVERY EXPECTATION: THE CASE OF E-BANKING SERVICE IN VIETNAM. International Journal of Data and Network Science. 5. 659-666. (Đã xuất bản) – Q2
  10. **Mai Văn Nam**, Nguyễn Quốc Nghi. 2021. THE IMPORTANCE OF WEBSITE QUALITY TO BRAND LOYALTY: THE CASE STUDY OF BEAUTY SALONS IN VIETNAM. International Journal of Data and Network Science. 5. 775-784. (Đã xuất bản) – Q2
  11. **Mai Văn Nam**, Nguyễn Quốc Nghi, Nguyễn Du Hạ Long. 2021. THE IMPACT OF SERVICE RECOVERY ON SATISFACTION AND WORD OF MOUTH OF INTERNATIONAL TOURISTS TOWARDS HOMESTAYS: AN EMPIRICAL STUDY IN VIETNAM. Journal of Asian Finance, Economics and Business. 8. 593-600. (Đã xuất bản) – Q2

### **2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)**

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 0 cấp Nhà nước; 09 cấp Bộ và tương đương.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

1. Các giải pháp đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ. Thời gian thực hiện: 2015. Cấp Cơ sở. Chủ nhiệm đề tài.
2. Giải pháp thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ muối của diêm dân ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Thời gian thực hiện: 2017 Cấp Bộ. Chủ nhiệm đề tài
3. Giải pháp tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ của các doanh nghiệp khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Mã số: B2016-TCT-16ĐT. Thời gian thực hiện: 2018. Cấp Bộ. Tham gia chính.
4. Nghiên cứu các giải pháp tăng cường hiệu quả ứng dụng khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp ở tỉnh Bến Tre. Thời gian thực hiện: 2018-2019. Cấp Tỉnh. Tham gia chính.

### **2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)**

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: ..... sáng chế, giải pháp hữu ích
- Tổng số có: ..... tác phẩm nghệ thuật
- Tổng số có: ..... thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*):

.....

### **2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ**

a) Tổng số: 03 NCS đã hướng dẫn chính

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*):

1. NCS. Nguyễn Quốc Nghi, **Giải pháp nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm khóm góp phần cải thiện thu nhập cho nông hộ nghèo ở tỉnh Tiền Giang**, Trường Đại học Cần Thơ, 2016, hướng dẫn chính.

2. NCS. La Nguyễn thùy Dung, **Giải pháp nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm lúa gạo góp phần nâng cao thu nhập cho nông hộ nghèo ở tỉnh An Giang**, Trường Đại học Cần Thơ, 2017, hướng dẫn chính.

3. NCS. Nguyễn Văn Hòa, *Đánh giá giá trị kinh tế của sản phẩm rừng bản tại Đồng bằng sông Cửu Long*, Trường Đại học Cần Thơ, 3/2022, hướng dẫn chính.

### 3. Các thông tin khác

**3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình** (Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...):

.....

**3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước** (nếu có):

.....

**3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn** (nếu có):

.....

### 3.4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: thành thạo
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: thành thạo

*Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.*

Cần Thơ, ngày 17 tháng 5 năm 2022

**NGƯỜI KHAI**

(Ký và ghi rõ họ tên)



Mai Văn Nam